



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật khu nước trước bến cầu cảng Nhà máy Thép miền Nam

VTU - 02 - 2025

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải

Căn cứ Đơn đề nghị số 139/CN.BRVT nhận ngày 09/01/2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước trước bến cầu cảng Nhà máy Thép miền Nam.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước bến cầu cảng Nhà máy Thép miền Nam, như sau:

1. Khu nước trước cảng:

1.1. Trong phạm vi khảo sát khu vực 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10°34'49,74"N	107°01'27,58"E	10°34'46,06"N	107°01'34,00"E
A2	10°34'43,81"N	107°01'24,92"E	10°34'40,14"N	107°01'31,34"E
A3	10°34'42,64"N	107°01'27,56"E	10°34'38,96"N	107°01'33,98"E
A4	10°34'48,57"N	107°01'30,23"E	10°34'44,89"N	107°01'36,65"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,2 m.

1.2. Trong phạm vi khảo sát khu vực 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A3	10°34'42,64"N	107°01'27,56"E	10°34'38,96"N	107°01'33,98"E
A4	10°34'48,57"N	107°01'30,23"E	10°34'44,89"N	107°01'36,65"E
A5	10°34'48,48"N	107°01'30,44"E	10°34'44,80"N	107°01'36,86"E
A6	10°34'42,54"N	107°01'27,77"E	10°34'38,87"N	107°01'34,19"E

- Xuất hiện các điểm có độ sâu 7,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

7,8	10°34'44,58"N	107°01'28,59"E	10°34'40,91"N	107°01'35,01"E
7,8	10°34'44,55"N	107°01'28,59"E	10°34'40,87"N	107°01'35,01"E

- Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực 2 được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 8,0 m.

1.3. Trong phạm vi khảo sát khu vực 3, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A2	10°34'43,81"N	107°01'24,92"E	10°34'40,14"N	107°01'31,34"E
A3	10°34'42,64"N	107°01'27,56"E	10°34'38,96"N	107°01'33,98"E
A6	10°34'42,54"N	107°01'27,77"E	10°34'38,87"N	107°01'34,19"E
A7	10°34'41,65"N	107°01'27,37"E	10°34'37,98"N	107°01'33,79"E
A8	10°34'42,92"N	107°01'24,52"E	10°34'39,25"N	107°01'30,94"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 7,8 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến sà lan, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A9	10°34'40,42"N	107°01'26,78"E	10°34'36,75"N	107°01'33,20"E
A10	10°34'39,81"N	107°01'27,23"E	10°34'36,14"N	107°01'33,65"E
A11	10°34'38,15"N	107°01'26,48"E	10°34'34,48"N	107°01'32,90"E
A12	10°34'38,07"N	107°01'25,73"E	10°34'34,40"N	107°01'32,15"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt -0,2 m (cao hơn mực nước “số 0 hải đồ”).

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa – Vũng Tàu ⁽¹⁾/.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu TMN_2412 tỷ lệ 1/500 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng Cty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Dai}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảng sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
- 12 Cty Vận tải & Cung ứng xăng dầu đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CNI – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng hàng hải II
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- 24 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 25 Phòng CSGT đường thủy tỉnh BR-VT
- 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh BR-VT
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 29 Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa – Vũng Tàu
- 30 Cty CP Dịch Vụ Và Vận Tải Biển Vũng Tàu



